

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 370 /2026/DS-PT

Ngày: 30/6/2026

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản*”

**NHÂN DANH NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Ứng

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Hồng Thái

Ông Dư Thành Trung

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Ngọc Thùy Dung- Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: bà Hoàng Thị Hằng- Kiểm sát viên.

Ngày 25, 29 & 30/6/2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số 132/2026/TLPT-DS ngày 13/3/2026, về việc “*Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản*”.

Do bản án sơ thẩm số 04/2026/DS-ST ngày 08/01/2026 của Toà án nhân dân Khu vực 4- Lâm Đồng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 238/2026/QĐ-PT ngày 31/3/2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1973. Địa chỉ: Số G, Thôn B, xã H, tỉnh Lâm Đồng.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Hà Văn M, sinh năm 1982. Địa chỉ: Số A, Thôn B, xã H, tỉnh Lâm Đồng – *có mặt*.

- Bị đơn: Ông Đoàn Văn G, sinh năm 1974 – *có mặt*; bà Tạ Thị H, sinh năm 1986 – *vắng mặt*. Địa chỉ: Số nhà E, Thôn A, xã H, tỉnh Lâm Đồng.

Theo đơn kháng cáo của ông Đoàn Văn G – bị đơn.

Kháng cáo đối với Bản án sơ thẩm số 04/2026/DS-ST ngày 08 tháng 01 năm 2026 của Toà án nhân dân khu vực 4 - Lâm Đồng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 21-3-2025, đơn khởi kiện bổ sung ngày 14-5-2025, các tài liệu chứng cứ và quá trình tố tụng nguyên đơn bà Nguyễn Thị N và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Hà Văn M trình bày:

Do có quan hệ quen biết, bà Nguyễn Thị N đã nhiều lần cho ông Đoàn Văn G, bà Tạ Thị H vay tiền. Đến ngày 19-5-2023 hai bên viết giấy chốt nợ số tiền vay, theo đó hai bên thống nhất đến ngày 19-5-2023 vợ chồng ông Đoàn Văn G, bà Tạ Thị H còn nợ bà Nguyễn Thị N số tiền vay gốc và lãi là 3.986.374.000 đồng và thỏa thuận thời hạn trả hết nợ vào ngày 19-6-2023, lãi suất 1,6%/tháng.

Quá thời hạn trả nợ, mặc dù bà N đã đòi nợ nhiều lần nhưng không có kết quả. Nay bà Nguyễn Thị N khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Đoàn Văn G, bà Tạ Thị H phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Thị N số tiền vay là 3.986.374.000 đồng và tính lãi theo mức lãi suất 10%/năm, tương đương 0,83%/tháng, kể từ ngày 20-6-2023 đến ngày 08-01-2026 là 30 tháng, thành tiền là 992.607.000 đồng, tổng cộng là 4.978.981.000 đồng.

Bị đơn ông Đoàn Văn G, bà Tạ Thị H1 đều trình bày:

Vợ chồng ông G, bà H1 chỉ thừa nhận có vay của bà Nguyễn Thị N số tiền 500.000.000 đồng vào ngày 19-9-2021 có lập thành văn bản, lãi suất các bên có thỏa thuận miệng từ 4000 đến 5000 đồng/triệu/tháng. Đến ngày 19-5-2023 hai bên chốt nợ gốc và tiền lãi với số tiền 3.986.374.000 đồng. ông G xác định ngày 19-5-2023 là ngày chốt nợ, không phải là ngày vay số tiền 3.986.374.000 đồng. Do vậy, ông G, bà H1 chỉ đồng ý trả cho bà N số tiền vay gốc 500.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định của pháp luật từ ngày 19-9-2021 cho đến nay. Không chấp nhận theo yêu cầu khởi kiện của bà N.

Tại Bản án sơ thẩm số 04/2025/DS-ST ngày 08/01/2026 của Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Lâm Đồng đã tuyên xử:

“1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị N. Buộc vợ chồng ông Đoàn Văn G, bà Tạ Thị H cùng có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Thị N số tiền vay gốc là 3.986.374.000 đồng, tiền lãi là 992.607.000 đồng, tổng cộng là 4.978.981.000 đồng (Bốn tỷ chín trăm bảy mươi tám triệu chín trăm tám mươi một nghìn đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

..

3. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện nguyên đơn bà Nguyễn Thị N đối với yêu cầu bị đơn ông Đoàn Văn G, bà Tạ Thị H trả số tiền lãi 1.188.736.852,8 đồng”.

Ngoài ra, Bản án còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 16/01/2026, bị đơn ông Đoàn Văn G có đơn kháng cáo, đề nghị Tòa cấp phúc thẩm xem xét lại bản án sơ thẩm số 04/2026/DS-ST ngày 08/01/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 4- Lâm Đồng

Tại phiên tòa phúc thẩm ngày 25/6/2026, bị đơn ông G bổ sung chứng cứ là giấy vay tiền 500.000.000 đồng (500 triệu đồng) đề ngày 19/9/2021 bản gốc và các bản zalo tin nhắn giữa nguyên đơn và bị đơn. Do nguyên đơn bà Nguyễn Thị N vắng mặt tại phiên tòa, nên Hội đồng xét xử thấy rằng cần có mặt bà N để làm rõ một số tình tiết mới nên ngừng phiên tòa để triệu tập bà N.

Phiên tòa phúc thẩm ngày 29/6/2026, nguyên đơn bà Nguyễn Thị N có mặt tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa bà N thừa nhận giấy vay tiền đề ngày 19-5-2023 với số tiền là 3.986.374.000 đồng mà các bên đã ký kết là giấy chốt nợ bao gồm cả gốc và lãi của nhiều lần vợ chồng ông Đoàn Văn G, bà Tạ Thị H vay của bà Nguyễn Thị N chứ không phải chỉ một lần vay duy nhất 500.000.000 đồng vào ngày 19/9/2021 như ông G trình bày. Bà N thừa nhận khi cho ông G vay cũng có thỏa thuận miệng với nhau lãi suất khoảng 2000 đồng/triệu/tháng nhưng vì thời gian đã lâu và ông G vay rất nhiều lần nên không thể nhớ cụ thể số tiền 3.986.374.000 đồng ngày 19/5/2023 bao gồm khoảng nợ gốc nào? và bắt đầu từ thời gian nào?. Do vậy, sau khi nghe HĐXX phúc thẩm giải thích các quy định của pháp luật và hòa giải nên nguyên đơn chỉ yêu cầu bị đơn phải trả số tiền là 3.500.000.000 đồng là không còn khoản nợ nào khác. Ông G chỉ đồng ý trả nợ cho bà N số tiền 1.500.000.000 đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng phát biểu về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các đương sự tại giai đoạn phúc thẩm cũng như phiên tòa:

- *Về tố tụng:* Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa, các Thẩm phán tham gia, Thư ký Tòa án đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp phúc thẩm.

- *Về nội dung:* Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, chấp nhận kháng cáo bị đơn ông Đoàn Văn G, hủy bản án sơ thẩm giao về cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại theo thủ tục chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về tố tụng:*

[1.1] Đơn kháng cáo của bị đơn nộp trong thời hạn luật định, đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[1.2] Bị đơn bà Tạ Thị H là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến việc kháng cáo vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà H theo quy định tại khoản 3 Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3] Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn bà Nguyễn Thị N tự nguyện điều chỉnh yêu cầu khởi kiện, theo đó nguyên đơn chỉ yêu cầu bị đơn phải có nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn tổng số tiền là 3.500.000.000 đồng thay vì số tiền 4.978.981.000 đồng như bản án sơ thẩm đã chấp nhận. Xét thấy tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn chỉ yêu cầu cầu bị đơn trả nợ 3.500.000.000 đồng là hoàn toàn tự nguyện, không nhằm trốn tránh nghĩa vụ, không trái pháp luật.

[2] *Xét nội dung giải quyết và yêu cầu kháng cáo:*

[2.1] Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn chỉ yêu cầu bị đơn trả nợ số tiền 3.500.000.000 đồng, bị đơn chỉ chấp nhận trả cho nguyên đơn số tiền 1.500.000.000 đồng nên các bên không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án. Nguyên đơn không còn yêu cầu đối với số tiền 1.478.981.000 đồng theo bản án sơ thẩm đã chấp nhận nên Hội đồng xét xử phúc thẩm chỉ xem xét giải quyết vụ án trong phạm vi số tiền 3.500.000.000 đồng nguyên đơn còn yêu cầu.

[2.2] Về xác định số tiền nợ gốc. Xét thấy quá trình giải quyết vụ án các đương sự không chứng minh được số tiền 3.986.374.000 đồng bị đơn ký xác nhận nợ ngày 19-5-2023 gồm những khoản nợ gốc? Lãi bao nhiêu? Từ thời gian nào?. Do vậy, để xem xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, căn cứ các tài liệu chứng cứ thu thập có trong hồ sơ vụ án và lời khai nhận của các đương sự có cơ sở xác định trong khoảng thời gian từ năm 2021 đến năm 2023 nguyên đơn có cho bị đơn vay nhiều lần với tổng số tiền là 4.278.832.000 đồng, cụ thể gồm: số tiền 3.778.832.000 đồng các bên nhắn tin xác nhận qua Zalo trong năm 2022 và số tiền 500.000.000 đồng vay ngày 19/9/2021. Đến ngày 01/4/2023 ông Đoàn Văn G nhắn tin cho bà Nguyễn Thị N với nội dung “*Chị ơi tổng nợ bao nhiêu vậy chị*” thì được bà N nhắn tin trả lời “*gốc hiện nay cộng mấy lần không trả lời là 3 tỷ 636 triệu đồng... chưa tính 2 chỗ 100 triệu riêng từng ngày khác... và chỗ ít hôm gần tết còn lại nữa*”. Như vậy, việc bị đơn khai rằng số tiền nợ 3.986.374.000 đồng bị đơn ký xác nhận nợ ngày 19/5/2023 chỉ là số tiền nợ gốc 500.000.000 đồng vay vào ngày 19/9/2021 và số tiền lãi 5000 đồng/ngày/triệu của 500.000.000 đồng từ 19/9/2021 đến ngày 19/5/2023 là không có căn cứ.

[2.3] Về việc thỏa thuận lãi suất. Xem xét nội dung tin nhắn Zalo năm 2022 giữa các bên thể hiện thấy nguyên đơn tính lãi theo từng tháng trên số tiền nợ gốc, cụ thể: “- *Gốc 168 triệu từ 13/7 đến 12/8 là 31 ngày bằng 8 triệu 332 ngàn; Gốc 10 triệu 832 ngàn từ 13/7 đến 12/8 là 31 ngày bằng 537 ngàn; Gốc 100 triệu từ ngày 14/7 đến 13/8 là 31 ngày bằng 4 triệu 960 ngàn; Gốc 3 tỷ rưỡi từ ngày 13/7 đến 12/8 là 31 ngày bằng 173 triệu 600 ngàn*”. Mặc khác, tại phiên tòa phúc thẩm bà N khai nhận thực tế các bên có thỏa thuận lãi suất 2000 đồng/triệu/ngày. Như vậy, lời khai của bà N tại phiên tòa là phù hợp với nội dung tin nhắn tính lãi nêu trên nên có cơ sở xác định giữa các bên có thỏa thuận lãi suất khoảng 60%/năm, mức lãi suất các bên thỏa thuận là vượt quá quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự nên mức lãi suất vượt quá 20% không có hiệu lực. Tuy nhiên, cấp sơ thẩm chỉ căn cứ vào giấy xác nhận nợ ngày 19/5/2023 buộc bị đơn trả số tiền 3.986.374.000 đồng và tiền lãi 992.607.000 đồng, tổng cộng là 4.978.981.000

đồng mà không xem xét, đánh giá các chứng cứ khác có liên quan nêu trên là không đúng theo quy định tại Điều 108 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2.4] Trên cơ sở nhận định, phân tích tại mục [2.2] và [2.3] HĐXX tính lãi suất 20%/năm theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự theo từng số tiền nợ gốc tương ứng với thời gian các bên đã nhấn tin xác nhận đến thời điểm xét xử sơ thẩm, trừ khoản tiền 2.195.900.000 đồng nguyên đơn thừa nhận bị đơn đã chuyển trả năm 2022, xác định được số tiền bị đơn còn nợ nguyên đơn là 3.617.000.000 đồng, chưa cộng 200.000.000 đồng khoản nợ khác nằm ngoài khoản nợ xác nhận ngày 19/5/2023 các bên đã thừa nhận. Như vậy, việc nguyên đơn chỉ yêu cầu bị đơn trả nợ cho nguyên đơn số tiền 3.500.000.000 đồng và xác nhận bị đơn không còn khoản nợ nào khác tính tới thời điểm xét xử là có căn cứ để chấp nhận.

[2.5] Từ những nhận định, phân tích nêu trên có căn cứ chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn, sửa một phần bản án sơ thẩm theo hướng buộc bị đơn phải trả nợ cho nguyên đơn số tiền 3.500.000.000 đồng là phù hợp.

[2.6] Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát đề nghị hủy bản án sơ thẩm là chưa phù hợp nên không được chấp nhận.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền bị đơn phải trả cho nguyên đơn theo quy định của pháp luật.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo của bị đơn được chấp nhận một phần và sửa bản án sơ thẩm nên người kháng cáo không phải chịu án phí phúc thẩm, trả lại bị đơn 300.000 đồng án phí Dân sự phúc thẩm đã nộp tạm ứng.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015;

Chấp nhận một phần kháng cáo của ông Đoàn Văn G, sửa một phần bản Bản án Dân sự sơ thẩm số 04/2026/DS-ST ngày 08/01/2026 của Toà án nhân dân Khu vực 4- Lâm Đồng.

Áp dụng Điều 288, Điều 463, Điều 466, khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Buộc ông Đoàn Văn G, bà Tạ Thị H phải cùng liên đới thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho bà Nguyễn Thị N 3.500.000.000 (ba tỷ năm trăm triệu đồng).

Áp dụng Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tính lãi suất chậm trả theo quy định của pháp luật.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

2. Về án phí:

2.1. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc vợ chồng ông Đoàn Văn G, bà Tạ Thị H phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 102.000.000 đồng (*Một trăm linh hai triệu đồng*).

Hoàn trả bà Nguyễn Thị N số tiền tạm ứng án phí là 55.863.000 đồng (*Năm mươi lăm triệu tám trăm sáu mươi ba nghìn đồng*) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009635 ngày 08-4-2025 của Phòng thi hành án dân sự khu vực 4 – Lâm Đồng (*Chi cục thi hành án dân sự huyện Di Linh cũ*) và số tiền tạm ứng án phí là 1.220.000 đồng (*Một triệu hai trăm hai mươi nghìn đồng*) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009365 ngày 26-11-2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Lâm Đồng.

2.2. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Đoàn Văn G không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả cho ông Đoàn Văn G 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0003180 ngày 02/3/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Lâm Đồng.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 4, 6, 7, 8 và Điều 36 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được quy định tại khoản 2 Điều 34 Luật thi hành án dân sự năm 2025.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- Phòng GD, KT, TTr & THA;
- TAND khu vực 4- Lâm Đồng;
- THADS tỉnh Lâm Đồng- Phòng THADS khu vực 4;
- Các đương sự;
- Lưu án văn; Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

đã ký

Nguyễn Anh Ứng